

DỰ TOÁN KINH PHÍ DỊCH VỤ GIÁO DỤC MẦM NON NGOÀI GIỜ QUI ĐỊNH

Năm học 2024-2025

- Căn cứ Nghị Quyết số 34/2021/NQ-HĐND ngày 27/8/2021 của hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

- Căn cứ Hướng dẫn số 2593/SGDDĐT-KHTC ngày 19/9/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện Nghị Quyết số 34/2021/NQ-HĐND ngày 27/8/2021 của hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

- Căn cứ công văn số 3308/SGDDĐT-KHTC ngày 18/10/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai thực hiện và quản lý thu, chi trong các cơ sở giáo dục năm học 2024-2025;

- Căn cứ tình hình thực tế.

- Tổng số học sinh toàn trường: 456 học sinh

- Tổng số lớp gia dịch vụ: 15 lớp

A. Quản lý trẻ trong giờ trả muộn

I. Dự toán chi

TT	Nội dung	Tỷ lệ tối đa %	Đơn vị tính	Số chi của 1 tháng			Số chi cả năm học		Ghi chú
				Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số tháng	Thành tiền	
A	B		I	2	3	4=2*3	5	6=4*5	II
1	Chi trả thù lao cho giáo viên trực tiếp giảng dạy	80%	Giờ dạy	165	115.651	19.082.415	9	171.741.735	Theo Phụ lục 4.1
2	Chi khác	20%				4.770.604	9	42.935.434	
2.1	Chi cho cán bộ quản lý					2.334.761	9	21.012.849	
	- Y tế		Giờ	5,5	74.308	408.694	9	3.678.246	
	- Kế toán		Giờ	5,5	74.308	408.694	9	3.678.246	
	- Hiệu trưởng		Giờ	6,0	137.943	827.658	9	7.448.922	
	- Phó HT		Giờ	2,5	137.943	344.858	9	3.103.718	
	- Phó HT		Giờ	2,5	137.943	344.858	9	3.103.718	
2.2	Phục vụ vệ sinh					651.000	9	5.859.000	
	Giấy vệ sinh		Cuộn	84	5.000	420.000	9	3.780.000	
	Nước tẩy rửa		Chai	7	33.000	231.000	9	2.079.000	
2.3	- Điện		KW	119,3	2.041	243.399	9	2.190.590	
2.4	- Nước		m3	3	14.278	42.834	9	385.506	
2.5	Thuế		%	2		477.060	9	4.293.543	
2.6	Chi phí hóa đơn dịch vụ		Tờ	406	715	290.290	9	2.612.610	
	Tổng cộng			165		23.853.019		214.677.169	

II Dự toán thu:

52.000 đồng/trẻ/tháng

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tổng kinh phí chi năm	Đồng	214.677.169	
2	Số trẻ/ lớp	Hs/ lớp	456	
3	Tổng số tháng học	Tháng	9	
4	Tổng số giờ dạy/ tháng	Giờ dạy/tháng	165,0	
5	Tổng số giờ dạy/ năm(5=4*3)	Giờ dạy/năm	1.485	
6	Số tiền thu 1 học sinh/tháng (6=1/2/3)	Đồng	52.309	
7	Số tiền thu 1 trẻ/giờ dạy (7=6/22 giờ)	Đồng	2.378	

Ban đại diện cha mẹ học sinh

Đại diện công đoàn nhà trường

Kế toán

Hiệu trưởng













Hoàng Lê Huy

Nguyễn Thị Mai Phương

Nguyễn Thị Phương Lan

Dương Thị Tâm